

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH HÓA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2024/DS-ST

Ngày: 26-7-2024

V/v: Tranh chấp hợp vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÓA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Châu Kim Ngân.

2. Ông Tạ Duy Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Kim Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 82/2024/TLST-DS ngày 02 tháng 4 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82A/2024/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị Ngọc Ch, sinh năm 1987; Địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn Thanh Hóa, Huyện Th H, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền bà Nguyễn Thị Thanh Ng, sinh năm 1954; Địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn Thanh Hóa, Huyện Th H, tỉnh Long An (Theo giấy ủy quyền ngày 13/3/2024). (Có mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Tấn T, sinh năm 1970 và bà Lê Thị Cẩm Th, sinh năm 1970; Cùng địa chỉ: Ấp 4, xã Thủy Tây, Huyện Th H, tỉnh Long An. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Yêu cầu, ý kiến của nguyên đơn bà Phạm Thị Ngọc Ch do đại diện theo ủy quyền bà Nguyễn Thị Thanh Ng trình bày:

Trong năm 2022 và năm 2023 bà Ch có cho bà Lê Thị Cẩm Th vay nhiều lần, mục đích bà Th vay là để mua bán tạp hóa; cụ thể các lần vay như sau:

Ngày 01/6/2022 bà Th vay 100.000.000đ

Ngày 8/7/2022 bà Th vay 80.000.000đ

Ngày 24/9/2023 bà Th vay 50.000.000đ

Ngày 15/12/2023 bà Th vay 70.000.000đ

Tổng cộng bà Th đã vay của bà Ch là 300.000.000đ. Hai bên đã tiến hành chốt nợ là 300.000.000đ vào ngày 15/12/2023 và thời hạn trả nợ là vào ngày 29/02/2024. Tuy nhiên đã quá hạn nhưng bà Th không trả nợ và mục đích bà Th vay tiền để mua bán tạp hóa, phục vụ cho kinh tế gia đình nên bà Ch khởi kiện yêu cầu bà Th và chồng bà Th là ông Nguyễn Tấn T liên đới trả nợ gốc là 300.000.000đ và lãi suất chậm trả với mức lãi suất là 0.83%/ tháng tính từ ngày 01/3/2024 cho đến khi xét xử sơ thẩm.

Bị đơn ông Nguyễn Tấn T và bà Lê Thị Cẩm Th vắng mặt tại phiên tòa nên không có ý kiến trình bày yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nga xác định yêu cầu khởi kiện như sau: Bà Ch thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bà Th là ông T liên đới trả cho bà Ch số tiền còn nợ là 300.000.000đ và tiền lãi tính từ ngày 01/3/2024 cho đến khi xét xử làm tròn tháng là 04 tháng với mức lãi suất là 0.83%

Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật:

Trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý đến trước khi xét xử Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các nội dung quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Thẩm phán xác định đúng tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa giữa những người tham gia tố tụng, thông báo về việc thụ lý vụ án cho Viện kiểm sát và các đương sự, yêu cầu đương sự giao nộp tài liệu, chứng cứ liên quan đến việc giải quyết vụ án; tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đúng theo quy định tại các Điều 196, 198, 208, 209, 210, 211 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Về thu thập chứng cứ: Thực hiện đúng quy định tại Điều 97 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Việc cấp, tổng đạt, giao văn bản tố tụng cho đương sự và Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Hóa đảm bảo theo quy định của pháp luật. Thời hạn chuẩn bị xét xử: Đảm bảo thực hiện đúng quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền

và nghĩa vụ tổ tụng theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung vụ án:

Đại diện Viện kiểm sát nhân Huyện Th H căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn có đủ căn cứ áp dụng các Điều 466, 467, 468, 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Hai bị đơn có địa chỉ tại Huyện Th H, tỉnh Long An. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân Huyện Th H.

[2] Về việc xét xử vắng mặt bị đơn: Bị đơn ông Nguyễn Tấn T và bà Lê Thị Cẩm Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn bà Phạm Thị Ngọc Ch khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Lê Thị Cẩm Th và ông Nguyễn Tấn T phải trả số tiền còn nợ gốc là 300.000.000đ và tiền lãi chậm trả theo lãi suất quy định là 0,83%/tháng, chứng cứ bà Ch cung cấp là “Biên nhận” ngày 15/12/2023 vay không có lãi có chữ ký của bà Lê Thị Cẩm Th hện ngày 29/02/2024. Mục đích bà Th vay để làm vốn kinh doanh bán tạp hóa. Bị đơn bà Th và ông T vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng nên không có văn bản trình bày yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nên từ những chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có cơ sở giữa bà Th và bà Ch xác lập hợp đồng vay tài sản có thời hạn với số tiền vay là 300.000.000đ. Bên cạnh đó mục đích bà Th vay tiền của bà Ch là để làm vốn kinh doanh tạp hóa phục vụ kinh tế cho gia đình nên bà Ch yêu cầu ông T liên đới cùng bà Th trả nợ cho bà là có căn cứ chấp nhận theo Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình.

Yêu cầu tính lãi: Nguyên đơn yêu cầu bà Th và ông T phải trả tiền lãi quá hạn với mức lãi suất là theo quy định pháp luật là 0,83%/tháng từ ngày 01/3/2024, làm tròn tháng. Căn cứ vào Điều 357 Bộ luật Dân sự, bên vay chưa trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu bên vay trả lãi trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, mức lãi suất 0,83%/tháng là phù hợp, nên yêu cầu trả lãi của nguyên đơn bà Ch có căn cứ chấp nhận, cụ thể như sau:

- Số tiền vay 300.000.000đ, thời hạn trả là 29/02/2024 nên lãi chậm trả được tính từ ngày 01/3/2024 đến ngày xét xử 26/7/2024 là 04 tháng (làm tròn): $300.000.000đ \times 04\text{tháng} \times 0,83\%/tháng = 9.960.000đ$.

Tổng cộng gốc và lãi: $300.000.000đ + 9.960.000đ = 309.960.000đ$

[4] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hoá về việc chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Buộc các bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2, khoản 4 Điều 91; khoản 1 Điều 147; 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 357, 463, 465, 466, 468, 479 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Lê Thị Cẩm Th và ông Nguyễn Tấn T có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị Ngọc Ch số tiền nợ gốc và lãi là 309.960.000đ (Ba trăm lẻ chín triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng) phát sinh từ hợp đồng vay tài sản.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015 .

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Lê Thị Cẩm Th và ông Nguyễn Tấn T phải có nghĩa vụ chịu 15.498.000đ (Mười lăm triệu bốn trăm chín mươi tám nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

Bà Phạm Thị Ngọc Ch không phải chịu phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Ch số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.691.400đ (Bảy triệu sáu trăm chín mươi mốt nghìn bốn trăm đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0003916 ngày 02/04/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày (mười lăm ngày) kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Toà án niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND Huyện Th H;
- Chi cục THADS Huyện Th H;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Hương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Lý

Nguyễn Văn Bé

Phạm Văn Thái